

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP Ô TÔ VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**



---

Hà Nội, tháng 12 năm 2011

**MỤC LỤC**

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 26

11  
CỘ  
H N  
M  
T A  
U  
M

# TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP Ô TÔ VIỆT NAM

120 Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm

Thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp ô tô Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

### HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm 2010 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng thành viên

- |                          |  |
|--------------------------|--|
| 1. Ông Đỗ Nga Việt       | Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 29/7/2010)    |
| 2. Ông Triệu Tuyên       | Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 29/7/2010)  |
| 3. Ông Hoàng Anh Tuấn    | Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 24/8/2010)  |
| 4. Ông Nguyễn Lương Ngọc | Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 15/10/2010) |
| 5. Ông Đinh Việt Phương  | Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 15/10/2010) |

#### Ban giám đốc

- |                          |   |
|--------------------------|---|
| 1. Ông Hoàng Anh Tuấn    | Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 28/9/2010)      |
| 2. Ông Đặng Bình Minh    | Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 13/02/2009) |
| 3. Ông Đinh Việt Phương  | Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 13/02/2009) |
| 4. Ông Triệu Tuyên       | Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 28/9/2010)  |
| 5. Ông Nguyễn Lương Ngọc | Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 28/9/2010)  |

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP Ô TÔ VIỆT NAM**

120 Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm

Thành phố Hà Nội

---

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Hoàng Anh Tuấn**

**Tổng Giám đốc**

Ngày 30 tháng 12 năm 2011





# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

## International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32<sup>th</sup> Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: +84.4 222 12 891 Fax: +84.4 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 2898/2011/BCKT-IFC

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN

#### Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Tổng Công ty Công nghiệp ô tô Việt Nam

**Kính gửi :** **Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc**  
**Tổng Công ty Công nghiệp ô tô Việt Nam**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") từ trang 6 đến trang 26 kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2 và 3, Ban Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

#### **Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

#### **Hạn chế phạm vi kiểm toán**

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Tổng Công ty có ý kiến ngoại trừ về tiền mặt, hàng tồn kho, nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định hữu hình; dự phòng giảm giá hàng tồn kho; công nợ Phải thu khách hàng; công nợ Phải trả người bán tại ngày 01 tháng 01 năm 2009 và ảnh hưởng của chúng đến số liệu tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2009. Theo đó, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đối với kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty chưa thực hiện đối chiếu đầy đủ các khoản công nợ phải thu phải thu khách hàng, người mua trả trước, phải trả người bán và trả trước cho người bán. Chúng tôi cũng không thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về số dư công nợ của các khoản công nợ không được đối chiếu này trên Báo cáo tài chính Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Tổng Công ty.



Thành viên hãng **AGN International** / Member Firm of **AGN International**

**Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance**



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN (TIẾP THEO)

### Hạn chế phạm vi kiểm toán (Tiếp theo)

Tổng Công ty chưa thực hiện hợp nhất lỗ/lãi chưa phân phối tại các công ty liên kết trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010. Do bản chất của nghiệp vụ kế toán, chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục thay thế. Chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng (nếu có) của việc không hợp nhất số liệu lỗ/lãi từ các công ty liên kết lên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

Báo cáo của của các công ty con đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên khác bao gồm: Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Giao thông, Công ty Cổ phần vận tải ô tô số 10, Công ty Cổ phần vận tải ô tô số 2, Công ty Cổ phần Đầu tư Vinamotor, Công ty Cổ phần ô tô 3/2, Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Thống Nhất Thừa Thiên Huế, Công ty Cổ phần Cơ khí Hòa Bình. Các ý kiến nhận xét của Kiểm toán viên khác ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty đối với các công ty con nêu trên không tổng hợp trong báo cáo này. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục soát xét cần thiết theo quy định liên quan đến Báo cáo tài chính của các đơn vị chúng tôi không tiến hành kiểm toán. Đồng thời, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục soát xét để đánh giá mức độ trung thực và hợp lý của các Báo cáo tài chính của các Công ty con chưa được kiểm toán. Do đó, Chúng tôi không thể đánh giá được các ảnh hưởng (nếu có) của việc không thực hiện được các thủ tục kiểm toán nêu trên đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.


Chúng tôi chỉ được bổ nhiệm thực hiện kiểm toán cho Công ty mẹ Tổng công ty. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi về Báo cáo tài chính của các công ty trên cần được đọc cùng với Báo cáo kiểm toán hợp nhất và không được tập hợp trên báo cáo này.

### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những điều chỉnh cần thiết cho báo cáo tài chính do ảnh hưởng của các vấn đề hạn chế nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo kiểm toán này được phát hành thay thế cho Báo cáo kiểm toán đã phát hành số 2396/2011/BCKT-IFC ngày 05 tháng 6 năm 2011 do Tổng Công ty đã thực hiện điều chỉnh các bút toán liên quan đến việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi, trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn và trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.



  
**Khúc Đình Dũng**  
**Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0748/KTV  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế (IFC)**  
Ngày 30 tháng 12 năm 2011



**Nguyễn Nam Cường**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1950/KTV



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 01 - DN/HN  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	1/1/2010
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.363.878.104.894</b>	<b>1.351.197.237.233</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>69.252.553.916</b>	<b>126.686.474.672</b>
1. Tiền	111		61.232.553.916	93.686.474.672
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.020.000.000	33.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>21.012.615.682</b>	<b>13.266.452.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		21.391.015.682	13.491.900.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(378.400.000)	(225.448.000)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>423.648.704.491</b>	<b>503.416.165.527</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		315.185.525.416	375.901.917.907
2. Trả trước cho người bán	132		96.227.955.301	76.799.993.622
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		34.560.707.550	35.583.509.194
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		1.174.964.545	-
5. Các khoản phải thu khác	135		44.480.883.824	38.195.102.656
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(67.981.332.145)	(23.064.357.852)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.3</b>	<b>766.836.570.772</b>	<b>604.244.208.040</b>
1. Hàng tồn kho	141		790.399.731.925	606.273.650.555
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(23.563.161.153)	(2.029.442.515)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>83.127.660.033</b>	<b>103.583.936.994</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.201.897.761	1.874.337.225
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		30.177.614.022	42.215.099.861
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		4.955.063.035	5.597.259.924
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	<b>V.4</b>	45.793.085.215	53.897.239.984
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.109.505.155.617</b>	<b>933.683.430.138</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>654.607.802</b>	<b>7.316.247.927</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		12.395.645.508	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		654.607.802	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		12.731.513.667	7.400.000.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(25.127.159.175)	(83.752.073)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>568.355.917.304</b>	<b>600.741.795.934</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>V.5</b>	338.841.279.000	362.096.922.963
- Nguyên giá	222		690.480.839.634	671.819.601.178
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(351.639.560.634)	(309.722.678.215)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	<b>V.7</b>	1.397.929.223	-
- Nguyên giá	225		1.426.680.909	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(28.751.686)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	<b>V.6</b>	65.375.710.784	59.465.476.649
- Nguyên giá	228		75.957.001.852	69.039.455.879
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.581.291.068)	(9.573.979.230)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>V.8</b>	162.740.998.297	179.179.396.322
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>535.139.130.664</b>	<b>318.499.675.998</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	<b>V.9</b>	534.892.141.964	285.103.319.529
3. Đầu tư dài hạn khác	258		1.234.490.359	34.232.626.938
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(987.501.659)	(836.270.469)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.355.499.847</b>	<b>7.125.710.279</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		3.633.499.847	5.473.275.363
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.722.000.000	1.652.434.916
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.473.383.260.511</b>	<b>2.284.880.667.371</b>

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



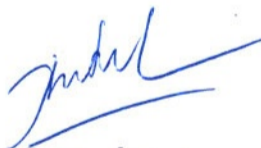
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 01 - DN/HN  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	1/1/2010
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.703.934.362.227</b>	<b>1.513.309.345.652</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.427.772.024.312</b>	<b>1.302.552.107.664</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	728.611.224.270	693.113.641.130
2. Phải trả cho người bán	312		312.712.295.396	323.855.410.525
3. Người mua trả tiền trước	313		154.332.876.965	88.475.753.003
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	48.259.910.944	28.624.878.529
5. Phải trả người lao động	315		14.842.767.354	20.582.489.767
6. Chi phí phải trả	316	V.12	52.642.948.089	18.486.957.572
7. Phải trả nội bộ	317		14.950.631.012	4.940.948.995
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	98.344.747.626	121.091.406.019
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		274.955.845	32.376.000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.799.666.811	3.348.246.124
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>276.162.337.915</b>	<b>210.757.237.988</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		7.701.185.277	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	28.291.005.324
3. Phải trả dài hạn khác	333		26.832.381.481	112.273.571.008
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.14	239.196.060.082	66.589.595.879
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		395.862.759	3.603.065.777
8. Doanh thu ghi nhận trước	338		2.036.848.316	-
<b>B. NGUỒN VỐN</b>	<b>400</b>		<b>728.436.667.547</b>	<b>683.555.652.285</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>726.965.130.441</b>	<b>682.224.217.368</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		704.920.474.429	426.925.603.808
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	156.420.616.851
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(366.213.165)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.978.335.327	11.959.904.344
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.942.775.780	6.934.634.330
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		30.771.912.148	28.621.696.244
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(25.722.492.166)	48.653.850.033
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		3.074.124.923	3.074.124.923
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>1.471.537.106</b>	<b>1.331.434.917</b>
2. Nguồn kinh phí	432		455.656.064	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		1.015.881.042	1.331.434.917
<b>C. LỢI ÍCH CỎ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>41.012.230.737</b>	<b>88.015.669.434</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.473.383.260.511</b>	<b>2.284.880.667.371</b>

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2011

Người lập



Nguyễn Tuyết Anh

Kế toán trưởng



Trần Hữu Hưng

Tổng Giám đốc



Hoàng Anh Tuấn



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 02 - DN/HN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.825.860.406.232	2.803.959.466.979
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.674.989.302	5.311.925.599
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.824.185.416.930	2.798.647.541.380
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.623.210.695.724	2.489.662.000.975
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		200.974.721.206	308.985.540.405
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	78.306.640.307	52.599.742.007
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	122.108.872.150	100.944.331.621
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		104.088.770.801	75.143.514.406
8. Chi phí bán hàng	24		35.353.762.269	65.424.637.625
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		198.498.253.480	140.469.454.031
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(76.679.526.386)	54.746.859.135
11. Thu nhập khác	31		34.193.237.948	21.330.092.184
12. Chi phí khác	32		19.882.412.152	19.350.149.519
13. Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động khác	40		14.310.825.796	1.979.942.665
14. Lãi/(lỗ) trong Công ty liên doanh, liên kết	41		-	-
15. Tổng lợi nhuận thuần trước thuế	50		(62.368.700.590)	56.726.801.800
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		9.936.304.583	9.157.778.352
17. Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại	52		66.728.915	-
18. Lợi nhuận thuần sau thuế	60		(72.371.734.088)	47.569.023.448
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số			3.278.430.388	8.684.613.093
18.2. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ			(75.650.164.476)	38.884.410.355

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2011

Người lập



Nguyễn Tuyết Anh

Kế toán trưởng



Trần Hữu Hưng

Tổng Giám đốc



Hoàng Anh Tuấn



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 03 - DN/HN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010	Năm 2009
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	(62.368.700.590)	56.726.801.800
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	14.636.952.809	144.035.511.478
Các khoản dự phòng	03	66.603.644.931	13.636.020.179
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	3.216.417.039	4.212.571.860
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(73.396.761.732)	119.155.624.247
Chi phí lãi vay	06	104.088.770.801	75.143.514.406
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	52.780.323.258	412.910.043.970
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	1.171.679.169	(51.140.788.205)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(184.126.081.370)	(58.914.153.781)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(82.941.612.831)	112.803.725.829
Giảm chi phí trả trước	12	1.512.214.980	2.344.812.733
Tiền lãi vay đã trả	13	(15.899.488.987)	(75.143.514.406)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(9.157.778.351)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	6.592.075.041	724.952.222
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	18.644.032.195	(53.469.357.679)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(202.266.858.545)	280.957.942.332
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSHD khác	21	(26.976.713.652)	(346.113.595.339)
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(3.166.036.190)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(199.379.535.022)	(53.864.413.001)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	(37.018.819.874)	-
7. Cổ tức được chia	27	69.886.337.715	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(193.488.730.833)	(403.144.044.530)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của CSH	31	133.434.038.318	42.871.234.430
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	593.759.277.089	306.998.044.976
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(388.871.646.785)	(153.499.022.488)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	338.321.668.622	196.370.256.918
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(57.433.920.756)	74.184.154.720
Tiền đầu năm	60	126.686.474.672	52.502.319.952
Tiền cuối năm	70	69.252.553.916	126.686.474.672

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tuyết Anh



Trần Hữu Hưng



Hoàng Anh Tuấn



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”) là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 5239/QĐ/TCCB-LĐ ngày 23 tháng 12 năm 1995 và Quyết định số 3096/QĐ-BGTVT ngày 21 tháng 10 năm 2003 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lần đầu số 0100104429 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 11 năm 2010.

Tổng Công ty có tên giao dịch: VIETNAM MOTORS INDUSTRY CORPORATION, tên viết tắt là VINAMOTOR.

Trụ sở chính của Công ty: Số 120, Phố Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

**Vốn điều lệ của Công ty**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 01 tháng 11 năm 2010, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 682.224.217.368 đồng (Sáu trăm tám mươi hai tỷ, hai trăm hai mươi bốn triệu, hai trăm mười bảy nghìn, ba trăm sáu mươi tám đồng).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Thiết kế phương tiện vận tải, thiết kế phương tiện thi công công trình và thiết bị xếp dỡ hàng hoá;
- Sản xuất phụ tùng tổng thành, sửa chữa hoán cải, lắp ráp đóng mới các phương tiện vận tải đường bộ, thiết bị thi công công trình, thiết bị xếp dỡ và các sản phẩm cơ khí khác;
- Sản xuất kết cấu thép và các chi tiết liên kết thép có cường độ cao, chịu tải trọng lớn;
- Kinh doanh vật tư, phụ tùng, thiết bị phương tiện cơ khí giao thông vận tải;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp các phương tiện, thiết bị vật tư, phụ tùng thuộc lĩnh vực cơ khí;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp;
- Hợp tác lao động trong lĩnh vực đưa lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;
- Đắp và sản xuất lốp xe ô tô xe lam, xe lu;
- Sản xuất sản phẩm cao su khác;
- Xây dựng và sửa chữa công trình giao thông và các công trình có liên quan đến cơ sở hạ tầng ngành giao thông và các công trình có liên quan đến cơ sở hạ tầng ngành giao thông vận tải;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp các mặt hàng vật tư phục vụ ngành giao thông vận tải, công nghiệp, dân dụng, lâm sản, hải sản, thổ sản;
- Kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu và dịch vụ quá cảnh hàng hoá được phép kinh doanh;
- Đại lý xăng dầu, nhiên liệu phục vụ ngành giao thông vận tải;
- Thiết kế, đóng mới, cải tạo các loại sản phẩm phục vụ giao thông vận tải phương tiện cơ giới đường bộ, thiết bị sản xuất thi công;



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Sản xuất vật liệu xây dựng thiết bị xếp dỡ, kết cấu thép;
- Kinh doanh vận tải khách, hàng bằng ô tô;
- Kinh doanh lữ hành nội địa và lữ hành quốc tế;
- Kinh doanh khách sạn và các dịch vụ du lịch;
- Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật); Tư vấn, thiết kế công trình;
- Các hoạt động về kiến trúc công trình;
- Tư vấn, chuyển giao công nghệ và kỹ thuật trong lĩnh vực công nghiệp;
- Các hoạt động về kiến trúc công trình;
- Tư vấn chuyển giao công nghệ và kỹ thuật trong lĩnh vực công nghiệp;
- Thăm dò, khai thác khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);
- Các hoạt động hỗ trợ khai thác khoáng sản;
- Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản;
- Khai thác, quản lý, vận hành các dịch vụ phục vụ toà nhà, khu chung cư, công trình dân dụng, công nghiệp;
- Dịch vụ tuyển dụng, môi giới lao động cho Doanh nghiệp xuất khẩu lao động;
- Xuất khẩu lao động;
- Quy hoạch, thiết kế kiến trúc công trình;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp;
- Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Khảo sát địa chất thủy văn, khảo sát địa chất công trình..

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN****Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Tổng Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.

Ngày 31/12/2010, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2010/TT - BTC về hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp có hiệu lực áp dụng từ ngày 15/02/2010. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Công ty đã thực hiện phân loại một số chỉ tiêu phù hợp theo hướng dẫn sửa đổi bổ sung của Bộ tài chính trong Thông tư này.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

**Các ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Tổng Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các Công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Tổng Công ty và các Công ty con, giữa các Công ty con của Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Tổng Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty có 12 Công ty con. Chi tiết thông tin về các Công ty con của Tổng Công ty được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

1 - Tên Công ty	:	Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Thống Nhất
Địa chỉ	:	Thừa Thiên Huế
Hoạt động chính	:	Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa và trung đại tu các loại xe
Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2010	:	3.876.000.000 đồng
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ	:	51%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	:	51%



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)**

- 2 - Tên Công ty: Công ty Cổ phần Công nghiệp Ô tô Trường Sơn  
Địa chỉ : Nghệ An  
Hoạt động chính : Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa và trung đại tu các loại xe  
Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2010 : 20.217.846.100 đồng  
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 63,02%  
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 63,02%
- 3 - Tên Công ty : Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Nghệ An  
Địa chỉ : Nghệ An  
Hoạt động chính : Sản xuất, kinh doanh phụ tùng thiết bị, phương tiện vận tải  
Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2010 : 5.753.840.000 đồng  
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 51%  
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 51%
- 4 - Tên Công ty : Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình  
Địa chỉ : Hà Nội  
Hoạt động chính : Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa và trung đại tu các loại xe  
Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2010 : 7.996.800.000 đồng  
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 67,7%  
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 67,7%
- 5 - Tên Công ty : Công ty Cổ phần Vận tải Ô tô số 2  
Địa chỉ : Hà Nội  
Hoạt động chính : Vận tải; Sản xuất các loại xe vận tải  
Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2010 : 18.384.000.000 đồng  
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 73,54%  
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 73,54%
- 6 - Tên Công ty : Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 6  
Địa chỉ : Đà Nẵng  
Hoạt động chính : Vận tải; Sản xuất các loại xe vận tải  
Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2010 : 9.082.638.680 đồng  
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 57,58%  
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 57,58%
- 7 - Tên Công ty : Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 10  
Địa chỉ : Thái Nguyên  
Hoạt động chính : Vận tải; Sản xuất các loại xe vận tải  
Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2010 : 2.968.350.000 đồng  
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 70%  
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 70%
- 8 - Tên Công ty : Công ty Cổ phần Đầu tư Vinamotor  
Địa chỉ : Hà Nội  
Hoạt động chính : Vận tải; kinh doanh thiết bị phụ tùng, phương tiện vận tải.  
Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2010 : 27.391.810.000 đồng  
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 86,79%  
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 86,79%



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)**

- 9 - Tên Công ty : Công ty CP Cơ khí Ô tô 3/2  
Địa chỉ : Hà Nội  
Hoạt động chính : Sản xuất các loại xe khách, xe buýt, xe tải; sản xuất phụ tùng  
Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2010 : 29.624.240.000 đồng  
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 65.83%  
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 65.83%
- 10 - Tên Công ty : Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng công trình  
Địa chỉ : Hà Nội  
Hoạt động chính : Mua bán thiết bị, xây dựng các công trình  
Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2010 : 2.254.580.000 đồng  
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 83,42%  
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 83,42%
- 11 - Tên Công ty : Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Ngô Gia Tự  
Địa chỉ : Hà Nội  
Hoạt động chính : Sản xuất, kinh doanh phụ tùng thiết bị, phương tiện GTVT  
Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2010 : 96.475.030.476 đồng  
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 100%  
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 100%
- 12 - Tên Công ty : Công ty TNHH Một thành viên Ô tô 1-5  
Địa chỉ : Hà Nội  
Hoạt động chính : Sản xuất, kinh doanh phụ tùng thiết bị, phương tiện GTVT  
Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2010 : 47.369.652.715 đồng  
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 100%  
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 100%
- 13 - Tên Công ty : Công ty Thương mại và Đầu tư giao thông vận tải  
Địa chỉ : Hà Nội  
Hoạt động chính : Sản xuất, kinh doanh phụ tùng thiết bị, phương tiện GTVT  
Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2010 : 27.548.897.123 đồng  
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 100%  
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 100%
- 14 - Tên Công ty : Công ty Cơ khí ô tô và thiết bị điện Đà Nẵng  
Địa chỉ : Đà Nẵng  
Hoạt động chính : Sản xuất, kinh doanh phụ tùng thiết bị, phương tiện GTVT  
Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2010 : 40.786.093.531 đồng  
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 100%  
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 100%

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***Đầu tư vào Công ty liên kết**

Công ty liên kết là một Công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư.

Các khoản lỗ của Công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại Công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại Công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một Tổng Công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một Công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào Công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng phải thu và dự phòng nợ khó đòi trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2010/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Trị giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp giá đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	06 - 20
Máy móc và thiết bị	03 - 19
Phương tiện vận tải	05 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Tài sản khác	03 - 07

**Chi phí trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này liên quan đến hàng tồn kho được hạch toán vào giá trị hàng tồn kho, các khoản mục khác được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	8.499.491.293	16.490.747.666
Tiền gửi ngân hàng	52.733.062.623	77.195.727.006
Các khoản tương đương tiền	8.020.000.000	33.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>69.252.553.916</b>	<b>126.686.474.672</b>

**2. Các khoản đầu tư ngắn hạn**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	813.500.000	2.341.900.000
Tiền gửi có kỳ hạn	20.500.000.000	11.150.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	77.515.682	
<b>Cộng</b>	<b>21.391.015.682</b>	<b>13.491.900.000</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư	(378.400.000)	(225.448.000)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được</b>	<b>21.012.615.682</b>	<b>13.266.452.000</b>

**3. Hàng tồn kho**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	3.246.787.293	59.714.719.906
Nguyên liệu, vật liệu	212.214.742.547	350.739.109.949
Công cụ, dụng cụ	1.955.438.310	1.762.017.440
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	359.573.121.315	72.261.392.893
Thành phẩm	160.093.232.817	78.113.405.416
Hàng hóa	19.870.842.377	30.272.532.706
Hàng gửi đi bán	33.445.567.266	13.410.472.245
<b>Tổng cộng</b>	<b>790.399.731.925</b>	<b>606.273.650.555</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(23.563.161.153)	(2.029.442.515)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được</b>	<b>766.836.570.772</b>	<b>604.244.208.040</b>

**4. Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	499.348.107	-
Tạm ứng	41.186.098.433	53.517.616.714
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.606.986.782	379.623.270
<b>Cộng</b>	<b>45.793.085.215</b>	<b>53.897.239.984</b>



**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP Ô TÔ VIỆT NAM**120 Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm  
Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09 - DN/HN

**5. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2010	306.754.558.600	208.744.070.488	142.509.402.366	9.232.236.998	4.579.332.726	671.819.601.178
Mua trong năm	215.234.203	1.724.445.226	25.430.885.197	508.622.665	248.767.306	28.127.954.597
Đầu tư XDCB hoàn thành	7.744.151.471	44.199.132	-	-	-	7.788.350.603
Tặng khác	63.138.205.016	70.282.823.198	1.337.529.119	235.489.128	-	134.994.046.461
Thanh lý, nhượng bán	(4.617.629.548)	(3.931.327.714)	(9.684.380.784)	-	-	(18.233.338.046)
Giảm khác	(55.985.504.484)	(47.420.125.976)	(26.080.468.434)	(1.387.962.960)	(3.141.713.305)	(134.015.775.159)
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>317.249.015.258</b>	<b>229.444.084.354</b>	<b>133.512.967.464</b>	<b>8.588.385.831</b>	<b>1.686.386.727</b>	<b>690.480.839.634</b>
<b>KHẤU HAO</b>						
Tại ngày 01/01/2010	95.361.665.914	137.257.905.100	68.292.753.846	6.865.335.128	1.945.018.227	309.722.678.215
Khấu hao trong năm	20.412.321.525	14.336.894.629	11.636.460.738	667.046.328	181.981.794	47.234.705.014
Tặng khác	39.708.828.000	39.480.043.290	905.207.934	143.765.322	-	80.237.844.546
Thanh lý, nhượng bán	(2.654.850.553)	(853.358.500)	(5.694.947.159)	(168.212.413)	-	(9.371.368.625)
Giảm khác	(30.046.844.965)	(35.959.494.017)	(8.560.255.582)	(461.402.015)	(1.156.301.937)	(76.184.298.516)
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>122.781.119.921</b>	<b>154.261.990.502</b>	<b>66.579.219.777</b>	<b>7.046.532.350</b>	<b>970.698.084</b>	<b>351.639.560.634</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2010	211.392.892.686	71.486.165.388	74.216.648.520	2.366.901.870	2.634.314.499	362.096.922.963
Tại ngày 31/12/2010	194.467.895.337	75.182.093.852	66.933.747.687	1.541.853.481	715.688.643	338.841.279.000



**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP Ô TÔ VIỆT NAM**120 Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm  
Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

MẪU B 09 - DN/HN

**6. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Phần mềm máy tính VND	TSCĐVH khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2010	65.505.250.352	1.520.000.000	352.244.850	1.661.960.677	69.039.455.879
Tăng trong năm	-	-	122.500.000	-	122.500.000
- Tăng khác	8.500.000.000	-	31.500.000	-	8.531.500.000
- Giảm khác	(1.736.454.027)	-	-	-	(1.736.454.027)
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>72.268.796.325</b>	<b>1.520.000.000</b>	<b>506.244.850</b>	<b>1.661.960.677</b>	<b>75.957.001.852</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2010	7.122.037.767	1.520.000.000	248.051.028	683.890.435	9.573.979.230
Khấu hao trong năm	902.499.305	-	64.533.537	40.278.996	1.007.311.838
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>8.024.537.072</b>	<b>1.520.000.000</b>	<b>312.584.565</b>	<b>724.169.431</b>	<b>10.581.291.068</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2010	58.383.212.585	-	104.193.822	937.791.246	59.465.476.649
Tại ngày 31/12/2010	64.244.259.253	-	193.660.285	978.070.242	65.375.710.784



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**7. Tài sản cố định thuê tài chính**

	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2010	-	-
Thuê tài chính trong năm	1.426.680.909	1.426.680.909
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>1.426.680.909</b>	<b>1.426.680.909</b>
<b>KHẤU HAO</b>		
Tại ngày 01/01/2010	-	-
Khấu hao trong năm	28.751.686	28.751.686
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>28.751.686</b>	<b>28.751.686</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2010	-	-
Tại ngày 31/12/2010	<b>1.397.929.223</b>	<b>1.397.929.223</b>

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Dự án sản xuất 5000 xe buýt	47.072.921.538	47.072.921.538
Dự án nhà máy Bắc Giang	12.894.541.642	12.894.541.642
Nhà sản xuất chi tiết nội thất ô tô	-	3.310.182.697
Nhà lắp ráp hoàn thiện - 3000 xe/năm	-	2.548.087.996
Nhà sản xuất ô tô 5000 xe/năm - Xe khách	-	3.935.013.402
Nhà sản xuất ô tô 5000 xe/năm - Xe buýt	-	4.122.513.375
Nhà sản xuất ô tô 5000 xe/năm - Dây chuyền sản	27.388.876.886	34.858.872.094
Nhà sản xuất ô tô 5000 xe/năm - Nhà thân xe	-	7.789.667.400
Hệ thống buồng sơn	-	1.156.869.988
Công trình nhà máy Phú Bài	98.674.134	4.591.502.727
Công trình nhà máy tại KCN	12.916.676.554	5.660.153.645
Công trình tại Hưng Yên	36.413.880.120	22.537.569.155
Dự án khác	25.955.427.423	28.701.500.663
<b>Cộng</b>	<b>162.740.998.297</b>	<b>179.179.396.322</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**9. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
<b>Công ty liên kết</b>	<b>319.471.381.189</b>	<b>131.746.402.250</b>
Công ty Cổ phần Việt Nam Motors	17.640.000.000	17.640.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Ô tô Nam Định	5.132.300.000	5.132.300.000
Công ty Cổ phần Ô tô Cửu Long Giang	-	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư CMC	2.550.000.000	2.550.000.000
Công ty Cổ phần Ô tô TMT	61.280.620.000	28.175.000.000
Công ty Vận tải Ô tô số 4	1.378.820.189	1.378.820.189
Công ty Cổ phần Trường An Sinh	4.245.000.000	4.245.000.000
Công ty Cổ phần Cao su, chất dẻo Đại Mỗ	2.491.000.000	2.491.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí và Tư vấn Thiết kế 30/4	2.887.500.000	2.887.500.000
Công ty Cổ phần Cơ khí 19/8	3.354.600.000	3.354.600.000
Công ty Cổ phần Công trình và Thương mại GTVT	2.625.000.000	2.625.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển vận tải	7.334.000.000	7.334.000.000
Công ty Cổ phần Xuất khẩu lao động và Du lịch thương mại (TTTC)	5.508.000.000	5.508.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8	4.721.660.000	2.833.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 1	6.480.000.000	5.184.038.967
Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Trường Thọ	4.800.000.000	4.800.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí 120	13.657.991.000	7.484.701.094
Công ty Cổ phần Cơ khí & Xây dựng Giao thông (Tracomeco)	22.950.000.000	23.123.442.000
Công ty Cổ phần Ô tô xe máy 25/8	3.500.000.000	3.500.000.000
Công ty Cổ phần Ô tô Huyndai - Vinamotor	14.796.280.000	-
Công ty Cổ phần Việt Nam Motor Cần Thơ	60.828.610.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 5	4.245.000.000	-
Công ty VIBANK - Ngô Gia Tự	67.065.000.000	-
<b>Công ty liên doanh</b>	<b>74.289.962.857</b>	<b>123.877.320.599</b>
Công ty Liên doanh Ô tô Hòa Bình (VMC)	44.525.837.258	46.308.677.000
Công ty Liên doanh VINDACO	-	47.804.518.000
Công ty Liên doanh Hino Motors Việt Nam	29.764.125.599	29.764.125.599
<b>Đầu tư liên kết khác</b>	<b>141.130.797.918</b>	<b>29.479.596.680</b>
	<b>534.892.141.964</b>	<b>285.103.319.529</b>

**10. Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn Ngân hàng	720.230.402.275	677.387.584.216
Vay cá nhân	8.380.821.995	15.726.056.914
<b>Cộng</b>	<b>728.611.224.270</b>	<b>693.113.641.130</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	5.961.270.951	21.115.524.382
Thuế xuất, nhập khẩu	12.267.602.153	68.753.674
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.272.180.208	4.311.303.487
Thuế thu nhập cá nhân	694.815.254	609.889.649
Thuế khác	21.064.042.378	2.519.407.337
<b>Cộng</b>	<b>48.259.910.944</b>	<b>28.624.878.529</b>

**12. Chi phí phải trả**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	32.858.380.791	8.875.614.895
Chi phí bảo hành	2.212.887.585	2.960.622.000
Chi phí phải trả khác	17.571.679.713	6.650.720.677
	<b>52.642.948.089</b>	<b>18.486.957.572</b>

**13. Các khoản phải trả khác**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	222.737.070	-
Kinh phí công đoàn	1.885.157.922	120.761.614
Bảo hiểm xã hội	6.573.717.372	118.469.018
Bảo hiểm y tế	117.170.733	988.536.916
Phải trả cổ phần hóa	2.943.025.693	327.900.000
Các khoản phải trả khác	86.564.654.516	119.535.738.471
Bảo hiểm thất nghiệp	38.284.320	-
<b>Cộng</b>	<b>98.344.747.626</b>	<b>121.091.406.019</b>

**14. Vay và nợ dài hạn**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay dài hạn ngân hàng	231.322.671.255	57.002.865.748
Vay cá nhân	7.873.388.827	9.586.730.131
<b>Cộng</b>	<b>239.196.060.082</b>	<b>66.589.595.879</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU B 09 - DN/HN**

**15. Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư tại 01/01/2009</b>	<b>384.054.369.378</b>	<b>14.950.734.261</b>	<b>157.586.348.765</b>	<b>(271.319.503)</b>	-	<b>16.102.270.789</b>	<b>7.329.971.191</b>	<b>27.770.999.894</b>	<b>41.838.936.818</b>	<b>2.963.403.923</b>	<b>652.325.715.516</b>
Vốn góp tăng trong năm	42.871.234.430	-	-	-	-	-	-	-	-	-	42.871.234.430
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	38.884.410.355	-	38.884.410.355
Phân phối quỹ	-	-	-	-	-	7.375.424.408	1.112.627.322	-	(9.314.635.280)	-	(826.583.550)
Tặng khác	-	-	-	-	-	-	-	850.696.350	-	-	850.696.350
Giảm khác	-	(14.950.734.261)	(1.165.731.914)	271.319.503	(366.213.165)	(11.517.790.853)	(1.507.964.183)	-	(22.754.861.860)	110.721.000	(51.881.255.733)
<b>Số dư tại 31/12/2009</b>	<b>426.925.603.808</b>	-	<b>156.420.616.851</b>	-	<b>(366.213.165)</b>	<b>11.959.904.344</b>	<b>6.934.634.330</b>	<b>28.621.696.244</b>	<b>48.653.850.033</b>	<b>3.074.124.923</b>	<b>682.224.217.368</b>
Vốn góp tăng trong năm	203.565.518.714	-	-	-	-	-	-	-	-	-	203.565.518.714
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	(72.371.734.088)	-	(72.371.734.088)
Tặng khác	156.420.616.851	-	(156.420.616.851)	-	366.213.165	-	-	2.150.215.904	-	-	2.516.429.069
Giảm khác	(81.991.264.944)	-	-	-	-	(3.981.569.017)	(991.858.550)	-	(2.004.608.111)	-	(88.969.300.622)
<b>Số dư tại 31/12/2010</b>	<b>704.920.474.429</b>	-	-	-	-	<b>7.978.335.327</b>	<b>5.942.775.780</b>	<b>30.771.912.148</b>	<b>(25.722.492.166)</b>	<b>3.074.124.923</b>	<b>726.965.130.441</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
<b>Trong đó:</b>		
- Doanh thu bán hàng	1.701.969.324.241	2.664.694.774.672
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	107.131.386.388	120.571.475.051
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	16.759.695.603	18.693.217.256
<b>Cộng</b>	<b>1.825.860.406.232</b>	<b>2.803.959.466.979</b>
<b>Các khoản giảm trừ</b>	-	-
- Giảm giá hàng bán	4.401.000	111.304.972
- Hàng bán bị trả lại	1.670.588.302	5.200.620.627
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.824.185.416.930</b>	<b>2.798.647.541.380</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn của hàng hóa	1.557.224.965.957	2.388.657.090.716
Giá vốn của của dịch vụ	49.962.483.914	88.096.419.744
Giá vốn hoạt động xây lắp	16.023.245.853	12.908.490.515
<b>Cộng</b>	<b>1.623.210.695.724</b>	<b>2.489.662.000.975</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.510.424.017	3.958.612.102
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết	69.886.337.715	5.861.662.894
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.740.000	24.105.973
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	49.895.722	1.162.321.048
Doanh thu tài chính khác	4.849.242.853	41.593.039.990
<b>Cộng</b>	<b>78.306.640.307</b>	<b>52.599.742.007</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. Chi phí tài chính**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí lãi vay	104.088.770.801	75.143.514.406
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.365.983.343	15.017.730.225
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.216.417.039	10.662.011.602
Chi phí tài chính khác	13.437.700.967	121.075.388
<b>Cộng</b>	<b>122.108.872.150</b>	<b>100.944.331.621</b>

**VII. THÔNG TIN KHÁC**

**1. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2010 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**2. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu đã được kiểm toán của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán. Một số số liệu được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của Báo cáo tài chính năm nay.

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2011

**Người lập**

**Nguyễn Tuyết Anh**

**Kế toán trưởng**

**Trần Hữu Hưng**

**Tổng Giám đốc**



**Hoàng Anh Tuấn**